TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 121/2026/HNGĐ-ST Ngày: 06/8/2026 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Đức, ông Nguyễn Đại Lưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 392/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh ngày 19/02/1995; CCCD số 030195014358 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/7/2023.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn H1**, sinh ngày 23/3/1989; Căn cước công dân số 030089007270 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã T, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: ông **Phạm Quang C**, sinh ngày 20/11/1966; Địa chỉ: Thôn A1, xã T, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Xương, huyện Gia Lộc, tỉnh

Hải Dương (nay là xã Trường Tân, thành phố Hải Phòng) ngày 18/02/2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 chơi bời, nợ nần, không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Tháng 10/2015 chị đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2021 anh H1 cũng sang Đài Loan lao động. Tuy nhiên anh chị không gặp nhau và không sống cùng nhau, thời gian đầu anh chị có liên lạc nhưng sau đó thưa dần và không liên lạc với nhau nữa. Thời gian anh H1 đi lao động tại Đài Loan cũng không gửi tiền về để trang trải những khoản nợ nần trước đó của anh, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Từ khi anh H1 đi Đài Loan đến nay chưa về nước, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Ngày 14/6/2026 chị về nghỉ phép thăm gia đình và xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Diệu A sinh ngày 03/10/2014, hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Vợ chồng tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/7/2026, chị tiếp tục trở lại Đài Loan làm việc, chị ủy quyền cho bố đẻ là ông Phạm Quang C, sinh ngày 20/11/1966, địa chỉ: Thôn An Vệ, xã Trường Tân, thành phố Hải Phòng thay chị giao, nhận các văn bản, tố tụng tại Tòa án. Đồng thời ủy quyền cho ông C thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Diệu Anh trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị có trách nhiệm gửi tiền về cho ông C nuôi con và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Hiển, Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Hiển. Ông Trần Văn T (bố đẻ anh H1) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H1 biết. Thông qua gia đình anh H1 liên lạc trực tiếp trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 xác định vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn, chị H xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Trần Diệu A, sinh ngày 03/10/2014, hiện đang ở với chị H và ông bà ngoại. Anh nhất trí giao con cho

chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị thống nhất thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Trường hợp chị H đi nước ngoài anh nhất trí giao cháu Diệu A cho ông bà ngoại chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không có gì.

Do điều kiện anh đang lao động ở nước ngoài nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, các phiên tòa của Tòa án.

Bên cạnh đó ông T trình bày, chị H và anh H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không muốn chung sống gắn bó với nhau, anh chị đã nói chuyện với nhau và đã được gia đình khuyên bảo nhưng không thành. Nay chị H xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Do điều kiện bận công việc, ông đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản ông Phạm Quang C trình bày: Quá trình chung sống chị h và anh H1 có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hiển chơi bời, nợ nần, không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Tháng 10/2015 chị Hà đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2021 anh Hiển cũng sang lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên anh chị không chung sống cùng nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên gia đình đã khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại anh Hiển chưa về nước, chị H về nghỉ phép từ ngày 14/6/2026 đến ngày 14/7/2026 tiếp tục trở lại Đài Loan để làm việc. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị H có xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh H1 có 01 con chung là Trần Diệu A sinh ngày 03/10/2014, hiện đang ở với chị H. Chị H đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Trong thời gian chị Hà không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho ông thay chị chăm sóc cháu Diệu A cho đến khi chị về nước, đồng thời ủy quyền cho ông thay chị giao, nhận các văn bản, tố tụng tại Tòa án. Ông nhất trí nhận ủy quyền của chị Hà về việc giao, nhận văn bản, tài liệu của Tòa án, đồng thời nhất trí nhận ủy quyền của chị H về việc thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Diệu Atrong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị H và anh H1 là cháu Trần Diệu A có nguyện vọng được ở với mẹ và ông ngoại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh H1.

- Về con chung: Giao con Trần Diệu A sinh ngày 03/10/2014 cho chị Hà chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Tạm giao cháu Trần Diệu A cho ông C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam.

- Về án phí: Chị H chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Trần Văn H1 có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn A, xã T, thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

[1.2] Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện chị H có mặt ở Việt Nam, chị trực tiếp nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng thời trực tiếp có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm. Chị H ủy quyền cho bố đẻ là ông Phạm Quang C giao nhận văn bản tại Tòa án. Ngày 14/7/2026 chị H tiếp tục trở lại Đài Loan. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị Hà là hoàn toàn tự nguyện.

[1.3] Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện G,

tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 18/02/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh chị không có tiếng nói chung. Tháng 10/2015, chị H sang lao động tại Đài Loan, năm 2021 anh H1 cũng sang lao động tại Đài Loan, vợ chồng không gặp nhau và không chung sống cùng nhau, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc sau đó thưa dần, anh H1 không gửi tiền về để trả nợ nên vợ chồng xảy ra cãi nhau và bất đồng quan điểm. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H1. Anh H1 xác định vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn nên nhất trí ly hôn. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H ly hôn anh H1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Trần Diệu A, sinh ngày 03/10/2014, hiện đang ở với chị H và ông Phạm Quang C. Chị H và anh H1 cùng thống nhất quan điểm giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh chị tự thống nhất, thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con. Do chị H không có mặt tại Việt Nam, anh H1 nhất trí để chị ủy quyền ông Phạm Quang C thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Diệu A cho đến khi chị về nước. Ông C nhất trí nhận ủy quyền của chị H có trách nhiệm thay chị chăm sóc cháu Diệu A trong thời gian chị Hà không có mặt ở Việt Nam. Cháu Diệu Anh cũng có nguyện vọng được ở với chị H và ông Cảm. Như vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển thuận lợi của cháu Trần Diệu A cũng như phù hợp quan điểm, nguyện vọng của các đương sự, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị về việc cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao cháu Diệu A cho ông C chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H ở nước ngoài.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị H, anh H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa

thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Diệu A, sinh ngày 03/10/2014 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao cháu Trần Diệu A cho ông Phạm Quang C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước.

Anh Trần Văn H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0007843 ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Quang C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- UBND xã T, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện